

Số: 22 /BC- UBND

Tuy Phước, ngày 10 tháng 12 năm 2015

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng**

-----

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

- Huyện Tuy Phước có diện tích tự nhiên 271,12 km<sup>2</sup>, dân số hơn 180 ngàn người, có 13 đơn vị hành chính cấp xã (11 xã và 02 thị trấn), 101 thôn, có 12 phòng, ban chuyên môn và 07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Là một huyện sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, có rất nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển theo hướng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ vì gần thành phố Quy Nhơn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh và Khu kinh tế Nhơn Hội đã được thành lập, hệ thống giao thông đường bộ và đường sắt thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát huy tiềm năng và lợi thế nên những năm qua, huyện đã đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chủ động phát huy nội lực, kết hợp sự hỗ trợ của cấp trên và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để đầu tư phát triển nhanh cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, hình thành các cụm công nghiệp tập trung... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, bên cạnh những mặt thuận lợi cơ bản, do những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, sự hạn chế trong quản lý kinh tế, tài chính, đất đai... nên việc phát sinh tiêu cực, tham nhũng, vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực này vẫn còn xảy ra. Tình trạng công dân khiếu nại, tố cáo về đền bù, giải tỏa, giao quyền sử dụng ruộng đất, mặt nước nuôi trồng thủy sản... có thời điểm còn diễn biến phức tạp.

Do vậy, UBND huyện Tuy Phước đã tập trung chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng, các quy định của pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tính nghiêm minh của pháp luật, tiếp tục tạo niềm tin của quần chúng nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN**

**1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng**

Xác định hành vi tham nhũng, lãng phí thường diễn ra trên một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất đai, ngân sách... nếu

không được đấu tranh, khắc phục có hiệu quả thì một bộ phận cán bộ, công chức giảm sút về phẩm chất đạo đức, tham nhũng, lãng phí sẽ gây ra hậu quả xấu về nhiều mặt; là trở ngại rất lớn đối với sự phát triển của Huyện nhà, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với cấp ủy và chính quyền.

- Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, Huyện ủy Tuy Phước đã ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 22/12/2006 về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng Kế hoạch số 08-KH/HU về tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương - khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” và đã tổ chức quán triệt cho các đồng chí là Ủy viên BCH Đảng bộ Huyện khóa XIX; Ủy viên UBKT Huyện ủy khóa XIX; Trưởng - Phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể, công ty trên địa bàn; Bí thư, Phó Bí thư 53 chi - đảng bộ trực thuộc; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND - UBND, Trưởng Ban Tuyên giáo 13 xã - thị trấn; các đồng chí nguyên là Bí thư - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND - UBND và nguyên là UVTV Huyện ủy trở lên đã nghỉ hưu trên địa bàn; Hiệu trưởng các trường THPT và Giám đốc Trung tâm KTTH – HNDN; Lãnh đạo Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Huyện, Đồng thời giao cho Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Huyện, các đảng bộ xã, thị trấn, doanh nghiệp, ngành giáo dục, các đoàn thể chính trị trong huyện, Đài truyền thanh huyện phối hợp, hướng dẫn tuyên truyền và tổ chức quán triệt cho tất cả đảng viên, cán bộ, hội - đoàn viên và quần chúng nhân dân để nắm vững những nội dung cơ bản, những chủ trương, giải pháp lớn nêu trong các Nghị quyết nhằm tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

- Trên cơ sở Chương trình hành động số 09 của Huyện ủy, UBND huyện đã tiếp tục xây dựng và ban hành 51 văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện triển khai thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Tổ chức 37 lớp tập huấn có 19.917 lượt người dự, phát hành 1.452 tài liệu. Đài Truyền thanh huyện và xã đã tuyên truyền trên sóng phát thanh kết hợp trong chuyên mục pháp luật, ở huyện 04 buổi/ tháng và ở xã 04 buổi/tháng, không tính Đài Truyền thanh xã tiếp sóng Đài truyền thanh huyện theo Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân” trên địa bàn huyện; Công văn số 362-CV/HU ngày 15/4/2014 của Huyện ủy về việc tăng cường phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp ủy, tổ chức đảng, các ban, ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực

hiện Luật Phòng, chống tham nhũng gắn với thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp tình hình thực tiễn nên đã triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc. Việc xử lý qua kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng được dư luận đồng tình. Kết quả đạt được trong công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn huyện đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng bộ và chính quyền các cấp ở địa phương.

## **2. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN**

- Trên các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thuộc huyện triển khai thực hiện việc quản lý và sử dụng kinh phí theo Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Công tác thu, chi ngân sách, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu theo đúng quy định. Thực hiện tốt các khoản chi, công khai việc thu chi ngân sách và các khoản đóng góp của nhân dân. Chi ngân sách thực hiện theo đúng Luật Ngân sách, dự toán hàng năm và các khoản chi bức xúc phát sinh. Cấp phát, thanh toán kịp thời cho chi đầu tư phát triển, đảm bảo giải quyết các khoản chi thường xuyên, đồng thời thực hiện hiệu quả, tiết kiệm chi, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách.

- UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị hành chính, sự nghiệp thực hành tiết kiệm, giảm tối đa chi phí điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, công tác phí tại Văn bản số 462/UBND-TC ngày 17/7/2012. Thực hiện kiểm tra, rà soát, chấn chỉnh việc thu phí, lệ phí, các khoản huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân tại Văn bản 477/UBND-TC ngày 05/7/2013...

- Căn cứ Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Phòng, chống tham nhũng, lãng phí” và Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 25/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trên cơ sở những mặt làm được, chưa được, những tồn tại hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí thời gian qua. UBND huyện đã triển khai thực hiện Kế hoạch số 62-KH/HU ngày 12/02/2014 Huyện ủy Tuy Phước về triển khai thực hiện Kết luận số 21-KL/TW

ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

### **3. Mô hình tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng và sự phối hợp công tác giữa các cơ quan PCTN**

- Trong quá trình thực hiện, các ban ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng gắn với thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp tình hình thực tiễn đã triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc.

- UBND huyện đã phân công chỉ đạo các phòng ban chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Theo đó, Thanh tra huyện thực hiện kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng đã được phê duyệt hằng năm và đột xuất theo chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện; Phòng Tài chính – Kế hoạch theo dõi việc thực hiện và tổng hợp UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí của ngành, địa phương; Phòng Tư pháp huyện phối hợp phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo chương trình công tác ngành Tư pháp hằng năm...

- Định kỳ hàng quý, Thường trực Huyện ủy chủ trì Hội nghị trực báo công tác nội chính với lãnh đạo các cơ quan: Công an, Quân Sự, Thanh tra, Tòa án, Viện Kiểm sát, Chi cục thi hành án dân sự, Tư pháp, Văn phòng HĐND&UBND huyện, Văn phòng Huyện ủy để nghe báo cáo tình hình công tác của các cơ quan thuộc khối nội chính và cho ý kiến chỉ đạo về công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử. Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành văn bản kết luận chỉ đạo các cơ quan khối nội chính tổ chức triển khai thực hiện.

### **4. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

- Đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác tổ chức cán bộ và luân chuyển cán bộ. Công tác cán bộ có những chuyển biến tích cực về nhận thức và phương pháp thực hiện, đảm bảo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ. Công tác quy hoạch, đánh giá, bố trí cán bộ được quan tâm. Đã thực hiện quy hoạch cán bộ cấp huyện và các xã – thị trấn; tiến hành rà soát bổ sung hàng năm, chuẩn bị đội ngũ cán bộ nguồn cho nhiệm kỳ tiếp theo. Công tác đánh giá cán bộ lãnh đạo quản lý 6 tháng một lần, bổ nhiệm lại cán bộ đã đi vào nề nếp. Thực hiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào các chức danh cơ bản đáp ứng được yêu cầu và đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục.

Tuy nhiên, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng còn mang tính tự phát, thiếu quy hoạch tổng thể, chưa có giải pháp triển khai đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong huyện nên việc tổng hợp, theo dõi, đánh giá

kết quả đào tạo chưa chặt chẽ. Mặt khác, chính sách đào tạo, chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức còn nhiều bất cập nên chưa động viên, khuyến khích cán bộ trẻ, cán bộ dự nguồn yên tâm phấn đấu học tập. Việc đánh giá, nhận xét cán bộ tuy đi vào nền nếp và có chuyển biến tốt, nhưng vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc, trong phê bình và tự phê bình còn nể nang, né tránh, ngại va chạm, từ đó tính giáo dục, giúp đỡ cán bộ, đảng viên khắc phục yếu kém, tồn tại, phát huy điểm mạnh chưa được kịp thời

- Công tác cải cách hành chính: Căn cứ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ; Quyết định số 100/2006/QĐ-UB ngày 20/9/2006 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2006-2010; Quyết định 492/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2011-2015. UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện như: Quyết định số 18/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND & UBND huyện; Quyết định số 19/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 về Quy định các thủ tục hành chính và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại UBND huyện; Văn bản số 139/UBND-NC ngày 14/3/2008 về nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước theo Chỉ thị số 32/2006/CT-TTg ngày 07/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 08/CT-CTUBND ngày 27/9/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 28/8/2009 về việc kiện toàn ban Chỉ đạo cải cách hành chính huyện Tuy Phước; Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính huyện giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 1464/QĐ-CTUBND ngày 19/7/2012 của Chủ tịch UBND huyện về việc Quy định công khai quy trình, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND & UBND huyện. Đến nay cơ chế “Một cửa” tại UBND huyện và 13/13 xã, thị trấn đã thực hiện đi vào nề nếp đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trong công tác tổ chức cán bộ, xây dựng chính quyền, UBND huyện đã công khai phân bổ và bố trí cán bộ đúng theo Đề án phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ của tỉnh; thực hiện việc sát nhập các cơ quan chuyên môn của huyện theo Nghị định 13,14 của Chính phủ. UBND huyện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy hành chính của cán bộ công chức, nhất là kỹ năng hành chính ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giải quyết công việc. Đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, có 12 cơ quan, tổ chức áp dụng hệ thống ISO trong quản lý hành chính.

- Việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức: Tổ chức quán triệt cho cán bộ công chức cơ quan Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày

26/02/2007 của Bộ Nội vụ xây dựng Quy tắc ứng xử, các quy chế, quy định, nội quy; thực hiện nếp sống văn hóa công sở, từng bước nâng cao trách nhiệm cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần phòng, ngừa tham nhũng. Quyết định số 1559/QĐ-CTUBND ngày 30/7/2012 của Chủ tịch UBND huyện ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 15/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện v/v chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

Nhìn chung, việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ công chức đã tạo chuyển biến về mặt nhận thức, ý thức trách nhiệm; phong cách ứng xử trong hoạt động giao tiếp và thực thi công vụ giữa cán bộ công chức với công dân và doanh nghiệp đã được cải thiện.

- Công tác tổ chức, triển khai, thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức: UBND huyện đã quán triệt, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đúng theo tinh thần của Quyết định. Qua phân công theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tặng quà, nhận quà không đúng quy định, đến nay chưa phát hiện cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu vi phạm.

- Đối với công tác PCTN, lãnh đạo cơ quan đã nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu; thông qua đánh giá cán bộ công chức hàng năm để chấn chỉnh kịp thời các tồn tại hạn chế trong công tác PCTN và nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, công tác kê khai tài sản thu nhập tại đơn vị đã đi vào nề nếp, đúng quy định của pháp luật, từng bước góp phần phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng.

- Việc công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thời gian qua, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã tổ chức thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch các chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính. Hình thức công khai chủ yếu là niêm yết tại trụ sở làm việc, phổ biến trong các cuộc họp, hội nghị chuyên đề. UBND huyện có Chỉ thị số 04/CT-CTUBND ngày 28/02/2007 về một số biện pháp cần làm ngay để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong giải quyết công việc của công dân và tổ chức; Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 và Quyết định số 847/QĐ-CTUBND ngày 16/7/2008 công bố công khai số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử để tiếp nhận các góp ý về quy trình, thủ tục hành chính. UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện thường xuyên cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các Ban Thanh tra nhân dân thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giám sát.

- Việc thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức

+ UBND huyện có Văn bản số 33/UBND-NC ngày 18/01/2008 và Văn bản số 238/UBND-NC ngày 08/5/2008 chỉ đạo và đôn đốc việc thực hiện Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ, Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch, tài sản, thu nhập; Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập.

+ UBND huyện đã tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập. Hàng năm, UBND huyện đều có văn bản đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện của các đơn vị trực thuộc, báo cáo đúng quy định.

Những đối tượng thuộc diện kê khai, minh bạch tài sản thu nhập cơ bản chấp hành nghiêm túc, chưa có trường hợp nào phải tiến hành kiểm tra, xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

- Công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về các lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; công khai, minh bạch trong thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước.

+ *Quản lý và sử dụng đất đai, công sở:* UBND huyện đã chỉ đạo, thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai cụ thể hoá bằng Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định lập kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về sử dụng đất cơ bản phù hợp, đúng quy trình, quy định; đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ gia đình thuê đất cũng như các dự án được giao, việc quản lý, sử dụng đất mang lại hiệu quả thiết thực.

+ Luôn tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, đây là vấn đề nhạy cảm, nên xem đây là một nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản của cả hệ thống chính trị, trước hết là vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp. Quan tâm kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Tuy nhiên, trong việc quản lý đất đai và việc thu tiền sử dụng đất, đầu tư xây dựng liên quan đến nhiều cơ quan như Tài nguyên & Môi trường, Thuế, Tài chính - Kế hoạch, Ban quản lý dự án huyện... nhưng sự phối hợp giữa các cơ quan này vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo đặt ra.

+ *Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:* UBND huyện triển khai thực hiện đúng theo thẩm quyền về quyết định đầu tư, phân cấp quản lý đầu tư xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tế các địa phương và khả năng nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm. Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng, chất lượng công trình,

quản lý sử dụng vốn đúng mục đích. Tuy nhiên công tác chuẩn bị đầu tư, xin giao đất, bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án, kể cả một số dự án trọng điểm, sự phối hợp của các ngành liên quan còn lúng túng, bị động; tiến độ triển khai thi công một số công trình xây dựng chưa đảm bảo theo tiến độ kế hoạch đề ra. Công tác quản lý đầu tư và xây dựng ở một số địa phương còn bất cập. Quản lý nhà nước về đô thị trên lĩnh vực trật tự xây dựng chưa chặt chẽ, việc xử lý các trường hợp vi phạm chưa kịp thời.

+ *Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:* Thời gian qua công tác quản lý nhà nước được tăng cường và có nhiều chuyển biến tích cực. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; công tác cho thuê đất, thu hồi đất thực hiện chặt chẽ về thủ tục, đúng pháp luật, cơ bản đáp ứng nhu cầu kinh tế xã hội. Tuy nhiên công tác lập quy hoạch trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn và triển khai thực hiện các đề án quy hoạch đã được duyệt còn chậm. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước còn bất cập; giải quyết khiếu nại, tố cáo trên lĩnh vực tài nguyên môi trường còn chậm; tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra.

- Đã tổ chức xây dựng và thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực quản lý tài sản công, việc sắp xếp, bố trí lại phương tiện, thiết bị làm việc và các phương tiện đi lại.

- Công tác thu, chi ngân sách, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu theo đúng quy định. Thực hiện tốt các khoản chi, công khai việc thu, chi ngân sách và các khoản đóng góp của nhân dân. Chi ngân sách thực hiện theo đúng Luật ngân sách, dự toán hàng năm và các khoản chi bức xúc phát sinh. Cấp phát thanh toán kịp thời cho chi đầu tư phát triển, đảm bảo giải quyết các khoản chi thường xuyên, đồng thời thực hiện hiệu quả tiết kiệm chi, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách.

- Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện tiếp tục thực hiện chi trả tiền lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

## **5. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng**

- *Công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng:* Trong 10 năm qua đã triển khai thanh tra, kiểm tra 88 cuộc thanh tra kinh tế-xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trên các lĩnh vực. Qua thanh tra phát hiện sai phạm đã kiến nghị và thu hồi ngân sách 1.476.350.000đ, 1.384 m<sup>2</sup> đất. Đã thu hồi nộp ngân sách 1.453.971.000đ, còn phải đôn đốc thu hồi 22.379.000đ. Ngoài ra qua thanh tra còn khôi phục lợi hợp pháp cho công dân 118.000.000đ do thu trái phép của dân đóng góp để được cấp đất ở. Ngừng chi trả chế độ chính sách 03 đối tượng đang hưởng có công cách mạng và thương binh không đúng. Kịp thời khắc phục thu hồi việc cho nông dân vay sai đối tượng 54.000.000đ.



Kết quả xử lý cán bộ: Khiển trách 05, cảnh cáo 01, cách chức 01, buộc thôi việc 03, chuyển công tác khác 03, kiểm điểm rút kinh nghiệm 08.

- *Công tác kiểm tra phòng chống tham nhũng lĩnh vực an sinh xã hội:* Kiểm tra 03 cuộc/03 đơn vị về công tác quản lý, thực hiện các chế độ chính sách thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội phát hiện sai phạm trong việc quản lý, theo dõi đối tượng từ trần, giải quyết chế độ mai táng phí để báo cáo ra quyết định cắt giảm chưa kịp thời, dẫn đến phải thu hồi chi trả sai 05 đối tượng, số tiền 6.600.000 đồng và thu hồi 350.000 đồng với 02 đối tượng chi sai theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP về hỗ trợ kinh phí học tập. Đã kịp thời phát hiện khắc phục chi sai 01 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, số tiền 360.000đ. Qua kiểm tra phát hiện sai phạm đã thu hồi nộp đủ vào ngân sách Nhà nước.

- *Công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng:* Tổng tài sản thiệt hại bằng tiền 256 triệu đồng đã thu hồi 256 triệu đồng, cụ thể:

Khởi tố 1 vụ - 1 đối tượng là Thôn trưởng tham ô tiền 32.859.900đ, thu các khoản quỹ của dân không nộp ngân sách xã, đã thu hồi nhập ngân sách xã, kết luận điều tra chuyển Viện Kiểm sát huyện truy tố, Tòa án xử phạt 2 năm 6 tháng tù giam về tội tham ô. Khởi tố 1 vụ - 1 đối tượng: Thủ quỹ Hợp tác xã Nông nghiệp dùng thủ đoạn che dấu để tham ô 92.719.453đ tiền quỹ do Y trực tiếp quản lý, đã kết luận điều tra, chuyển Viện Kiểm sát truy tố xét xử, Tòa án xử phạt 7 năm tù giam và 1 vụ - 3 đối tượng gồm: Chủ nhiệm, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng có hành vi cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế xảy ra tại cửa hàng xăng dầu Hợp Tác xã nông nghiệp Phước Quang, gây thiệt hại 69.069.000đ, Công an huyện đã kết luận điều tra, ra quyết định không khởi tố vụ án, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm chuyển xử lý hành chính. Ngoài ra, Thanh tra giải quyết tố cáo tại Hội Người mù huyện, kết quả đã phát hiện và thu hồi số tiền sai phạm 62.059.000đồng.

## **6. Hoạt động giám sát công tác PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN**

- UBND huyện chỉ đạo Thanh tra huyện, theo kế hoạch mỗi năm tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật việc chấp các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo ít nhất tại 02 đơn vị. Các đơn vị được thanh tra đã quan tâm việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, qua thanh tra chưa phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi tham nhũng.

- Qua công tác thanh tra, kiểm tra cũng đã chấn chỉnh một số vấn đề còn tồn tại trong việc phòng ngừa, chống tham nhũng tại các đơn vị như: Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật phòng, chống tham nhũng còn hạn chế, một số đơn vị, bộ phận triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống tham nhũng còn mang tính hình thức, chưa hiệu quả, chưa chấp hành tốt chế độ báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng.

## **7. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN**

- Đã phổ biến quán triệt cho cán bộ, nhân dân Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ, đặc biệt chú trọng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, nhất là vai trò, trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các Ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

- Sự giám sát của nhân dân và các cơ quan dân cử đối với công tác phòng chống tham nhũng: UBND các cấp đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận phổ biến quán triệt Nghị định 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều trong Luật phòng, chống tham nhũng về vai trò trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể, Ban Thanh tra nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật nói chung và công tác phòng, chống tham nhũng nói riêng cho từng cơ quan, đơn vị; nắm tình hình tư tưởng, nguyện vọng của nhân dân, cho ý kiến xử lý những vấn đề mới nảy sinh, qua đây tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của các cá nhân, cơ quan, tổ chức; góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

## **8. Thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và hợp tác quốc tế về PCTN**

- UBND huyện có Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trên địa bàn huyện Tuy Phước giai đoạn 2009-2011; Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân” trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của các Cấp ủy đảng; nâng cao trách nhiệm, năng lực, hiệu quả hoạt động, quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước; cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác phòng, chống tham nhũng; đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận; cơ quan tuyên truyền, báo chí; doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, các Ban thanh tra nhân dân và của công dân trong việc giám sát, tham gia công tác phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhóm giải pháp đã đề ra trong Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 của Chính phủ bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, trước hết

là các nhóm giải pháp thực hiện từ năm 2009 đến 2011. Trong đó tập trung vào các giải pháp nâng cao năng lực phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, đẩy mạnh xử lý những vụ việc tham nhũng nổi cộm, gây bức xúc trong nhân dân; rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tăng cường tính công khai minh bạch trong những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chương trình, kế hoạch hành động của Huyện ủy, UBND huyện thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn huyện. Gắn công tác phòng, chống tham nhũng với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng được lồng ghép cùng các chương trình khác. Tuy nhiên còn hạn chế: Đối tượng tuyên truyền chủ yếu là cán bộ, công chức, viên chức còn nhân dân tham gia không đạt so với tổng dân số của huyện. Một số đơn vị thuộc huyện báo cáo định kỳ về công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn, ngành mình quản lý không kịp thời.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Đánh giá chung về tình hình tham nhũng và nguyên nhân**

UBND huyện đã chú trọng tổ chức phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, Luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ công chức, viên chức và nhân dân gắn với thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, xây dựng tổ chức Đảng theo hướng trong sạch, vững mạnh, rèn luyện tính tiên phong gương mẫu của người cán bộ, công chức; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kịp thời phát huy ưu điểm, chỉ ra những hạn chế khuyết điểm để khắc phục. Việc triển khai thực hiện đạt được kết quả bước đầu các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống tham nhũng đã đề ra trong chương trình, kế hoạch hành động phòng, chống tham nhũng của huyện. Đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng thuộc thẩm quyền. Qua đó, những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người trên địa bàn đã được tập trung chỉ đạo, xem xét giải quyết cơ bản kịp thời, góp phần hạn chế tình hình khiếu kiện vượt cấp, tồn đọng kéo dài, góp phần ổn định chính trị ở nông thôn, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, củng cố lòng tin của nhân dân đối với đảng bộ và chính quyền các cấp ở địa phương. Nhận định tình hình tham nhũng hiện nay trên địa bàn huyện giảm so với 5 năm trước đây.

## 2. Đánh giá chung về công tác PCTN

- Giúp nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; tăng sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Phát huy mạnh mẽ nội lực, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục đẩy mạnh sự tăng trưởng cao và bền vững của nền kinh tế huyện trên các lĩnh vực gắn với bảo vệ môi trường; giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ và nhân dân; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tính nghiêm minh của pháp luật.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, có lối sống lành mạnh, có trình độ năng lực hoạt động thực tiễn, sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trước hết là không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp, thường xuyên việc giám sát, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thuộc thẩm quyền, kiện toàn, bổ sung kịp thời đội ngũ cán bộ kiểm tra, bảo đảm số lượng, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết hợp việc kiểm tra giám sát của tổ chức đảng với giám sát của HĐND, Mặt trận tổ quốc, hội, đoàn thể các cấp và vai trò giám sát của nhân dân.

- Thực hiện công khai minh bạch những lĩnh vực đã quy định cụ thể trong Luật phòng, chống tham nhũng; nâng cao chất lượng thực hiện công vụ của đội ngũ công chức, viên chức, nâng cao chất lượng hiệu quả tác dụng trong công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng.

- Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 09/2006/QĐ-UBND ngày 08/6/2006 của UBND huyện Tuy Phước về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn huyện và Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng trên địa bàn huyện Tuy Phước (giai đoạn 2009-2011). Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân” trên địa bàn huyện. Các cấp, các ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; gắn với thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*” đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp tình hình thực tiễn, triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc.

#### IV. KIẾN NGHỊ

- Trung ương cần nghiên cứu giải pháp thực hiện cải cách chế độ tiền lương phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ.

- Đề nghị các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu để hướng dẫn thực hiện Luật phòng chống tham nhũng, bảo đảm tính hiện thực, khả thi của các quy định phòng ngừa tham nhũng để tránh thực hiện hình thức, không hiệu quả; trong đó chú trọng các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

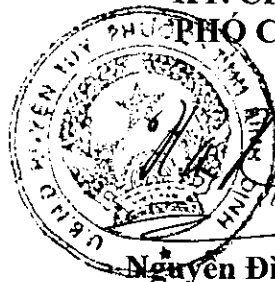
- Đề nghị UBND tỉnh định kỳ tổ chức Hội nghị tập huấn, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, đơn vị để việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đạt hiệu quả tốt hơn trong thời gian đến.

Trên đây Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn huyện Tuy Phước, kính báo cáo UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh theo dõi, chỉ đạo. /s. *MHT*

Nơi nhận: *HT*

- Thanh tra tỉnh; (b/c)
- Huyện ủy;
- UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Lưu: VP. *HT*

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*HT*  
Nguyễn Đình Thuận

**HỒN KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU**  
**VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG (Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)**  
*Kiểm tra Báo cáo số 222./BC-UBND ngày 10./12/2015*  
*của UBND huyện Tuy Phước*



| MS | NỘI DUNG   | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LIỆU |
|----|--|-------------|---------|
|    | <b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>   |             |         |
| 1  | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN   | Văn bản     | 17      |
| 2  | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành  | Văn bản     | 34      |
|    | <b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>  |             |         |
| 3  | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN   | Lượt người  | 19.917  |
| 4  | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức  | Lớp         | 37      |
| 5  | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản   | Tài liệu    | 1.452   |
|    | <b>THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>   |             |         |
|    | <i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>   |             |         |
| 6  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch  | CQ, TC, ĐV  | 35      |
| 7  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động   | CQ, TC, ĐV  | 0       |
|    | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>  |             |         |
| 8  | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới  | Văn bản     | 0       |
| 9  | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp  | Văn bản     | 0       |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn   | Cuộc        | 0       |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý  | Vụ          | 0       |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn  | Người       | 0       |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật  | Người       | 0       |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự  | Người       | 0       |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiên nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền). | Triệu đồng  | 0       |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường  | Triệu đồng  | 0       |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị  | Người       | 0       |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)   | Triệu đồng  | 0       |
|    | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>   |             |         |

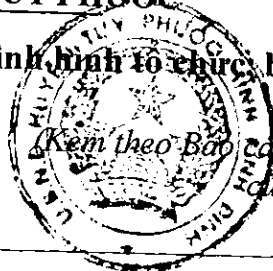
|   |  |            |     |
|---|--|------------|-----|
| 19  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức | CQ, TC, ĐV | 0   |
| 20  | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý  | Người      | 0   |
| 21  | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng       | Người      | 56  |
| <b>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</b>                    |  |            |     |
| 22  | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập  | Người      | 0   |
| 23  | Số người bị kết luận kê khai không trung thực  | Người      | 0   |
| <b>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị</b>              |  |            |     |
| 24  | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng                  | Người      | 0   |
| 25  | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng          | Người      | 0   |
| 26  | Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng                     | Người      | 0   |
| 26a   | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng     | Người      | 0   |
| 26b   | Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình                 | Yêu cầu    | 0   |
| 26c   | Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình            | %          |     |
| <b>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</b> |  |            |     |
| 27  | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính                                      | CQ, TC, ĐV | 12  |
| 28  | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc    | %          | 60% |
| <b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG</b>   |  |            |     |
| <b>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</b>  |  |            |     |
| 29  | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ                                   | Vụ         | 0   |
| 30  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ                    | Người      | 0   |
| <b>Qua hoạt động thanh tra</b>  |  |            |     |
| 31  | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra   | Vụ         | 15  |
| 32  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra                           | Người      | 10  |
| <b>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>                                |  |            |     |
| 33  | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức                 | Đơn        |     |
| 34  | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết   | Đơn        |     |
| 35  | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                           | Vụ         | 04  |
| 36  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                 | Người      | 08  |
| <b>Qua công tác kiểm toán</b>   |  |            |     |
| 37  | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán   | Vụ         | 0   |
| 38  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán                           | Người      | 0   |
| <b>Qua điều tra tội phạm</b>  |  |            |     |
| 39  | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố                    | Vụ         | 02  |
| 40  | Số bị can tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố                     | Người      | 02  |
| <b>Công tác truy tố tội phạm tham nhũng</b>                                     |  |            |     |
| 41  | Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố  | Vụ         | 02  |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**PHỤ LỤC SỐ 02**

**Tình hình tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN  
(Thời điểm 31/8/2015)**

*Kèm theo Báo cáo số 228.../BC-UBND ngày 10.../12/2015  
của UBND huyện Tuy Phước*



| TT  | DIỄN GIẢI   | Tổng | Trong đó |          |                |
|-----|---|------|----------|----------|----------------|
|     |   |      | Cấp bộ   | Cấp tỉnh | Cấp huyện (sở) |
| (1) | (2)   | (3)  | (4)      | (5)      | (6)            |
| 1   | Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ, TC, ĐV) đang thực hiện chức năng PCTN           |      |          |          |                |
|     | Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN  |      |          |          |                |
|     | + CQ, TC, ĐV không chuyên trách   |      |          |          |                |
| 2   | Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước      |      |          |          | 01             |
|     | Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN  |      |          |          |                |
|     | + CQ, TC, ĐV không chuyên trách   |      |          |          | 01             |
| 3   | Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc cơ quan công an                     |      |          |          |                |
|     | Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN  |      |          |          |                |
|     | + CQ, TC, ĐV không chuyên trách   |      |          |          |                |
| 4   | Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc viện kiểm sát nhân dân              |      |          |          |                |
|     | Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN  |      |          |          |                |
|     | + CQ, TC, ĐV không chuyên trách   |      |          |          |                |
| 5   | Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc toà án nhân dân                     |      |          |          |                |
|     | Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN  |      |          |          |                |
|     | + CQ, TC, ĐV không chuyên trách   |      |          |          |                |
| 6   | Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc Kiểm toán Nhà nước                  |      |          |          |                |
|     | Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN  |      |          |          |                |
|     | + CQ, TC, ĐV không chuyên trách   |      |          |          |                |
| 7   | Số CQ, TC, ĐV khác thực hiện chức năng PCTN   |      |          |          |                |
|     | Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN  |      |          |          |                |
|     | + CQ, TC, ĐV không chuyên trách   |      |          |          |                |
| 8   | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN |      |          |          |                |

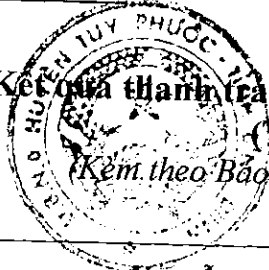


|    |   |  |  |  |    |
|----|---|--|--|--|----|
|    | Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN  |  |  |  |    |
|    | + CB,CC,VC kiêm nhiệm   |  |  |  |    |
| 9  | Tổng số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước                           |  |  |  | 07 |
|    | Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN  |  |  |  |    |
|    | + CB,CC,VC kiêm nhiệm   |  |  |  | 07 |
| 10 | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc cơ quan công an                      |  |  |  |    |
|    | Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN  |  |  |  |    |
|    | + CB,CC,VC kiêm nhiệm   |  |  |  |    |
| 11 | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Viện KSND                            |  |  |  |    |
|    | Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN  |  |  |  |    |
|    | + CB,CC,VC kiêm nhiệm   |  |  |  |    |
| 12 | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Tòa án nhân dân                      |  |  |  |    |
|    | Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN  |  |  |  |    |
|    | + CB,CC,VC kiêm nhiệm   |  |  |  |    |
| 13 | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Kiểm toán Nhà nước                   |  |  |  |    |
|    | Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN  |  |  |  |    |
|    | + CB,CC,VC kiêm nhiệm   |  |  |  |    |
| 14 | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khác đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN                                  |  |  |  |    |
| 15 | Số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng chưa được đào tạo phù hợp với nhiệm vụ về PCTN đang đảm nhiệm |  |  |  |    |
| 16 | Số CB, CC, VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng không có chế độ đãi ngộ đặc thù                             |  |  |  |    |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**PHỤ LỤC SỐ 03**

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN  
(Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)**  
(Kèm theo Báo cáo số 28./BC-UBND ngày 10.../12/2015  
của UBND huyện Tuy Phước)



| TT | DIỄN GIẢI   | Tổng | Kết quả của cơ quan thanh tra |          |               |
|----|---|------|-------------------------------|----------|---------------|
|    |   |      | Cấp bộ                        | Cấp tỉnh | Cấp huyện, sở |
| 1  | Số cuộc thanh tra theo kế hoạch   |      |                               |          | 88            |
| 2  | Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch  |      |                               |          | 37            |
| 3  | Số cuộc thanh tra đã triển khai   |      |                               |          | 88            |
| 4  | Số cuộc kiểm tra đã triển khai  |      |                               |          | 37            |
| 5  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra  |      |                               |          | 67            |
| 6  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra   |      |                               |          | 16            |
| 7  | Số cuộc thanh tra đã có kết luận  |      |                               |          | 87            |
|    | Số cuộc kiểm tra đã có kết luận   |      |                               |          | 16            |
| 8  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc:  |      |                               |          | 0             |
|    | -Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN  |      |                               |          |               |
|    | -Chi đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN   |      |                               |          |               |
|    | -Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN  |      |                               |          |               |
| 9  | - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau): |      |                               |          | 0             |
|    | - Công khai, minh bạch trong mua sắm công   |      |                               |          |               |
|    | - Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng  |      |                               |          |               |
|    | - Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước  |      |                               |          |               |
|    | - Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân   |      |                               |          |               |
|    | - Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ   |      |                               |          |               |
|    | - Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công  |      |                               |          |               |

|    |   |  |  |  |   |
|----|---|--|--|--|---|
|    | - Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ   |  |  |  |   |
|    | - Trách nhiệm cung cấp thông tin  |  |  |  |   |
|    | - Cải cách thủ tục hành chính   |  |  |  |   |
|    | - Đổi mới công nghệ quản lý   |  |  |  |   |
|    | - Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn   |  |  |  |   |
|    | - Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn  |  |  |  |   |
|    | - Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức  |  |  |  |   |
|    | - Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán                                  |  |  |  |   |
|    | - Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước                 |  |  |  |   |
|    | - Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN  |  |  |  |   |
| 10 | Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập   |  |  |  | 0 |
| 11 | Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập  |  |  |  | 0 |
| 12 | Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng  |  |  |  | 0 |
| 13 | Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng  |  |  |  | 0 |
| 14 | Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức  |  |  |  | 0 |
| 15 | Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử  |  |  |  | 0 |
| 16 | Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng                                   |  |  |  | 0 |
| 17 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng       |  |  |  | 0 |
| 18 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN |  |  |  | 0 |